

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẠI THIÊN LỘC

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 7
3. Báo cáo kiểm toán	8
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ ngày 30 tháng 6 năm 2010	9 - 12
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	13 - 14
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	15 - 16
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	17 - 33
8. Phụ lục	34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được soát xét bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc (Công ty mẹ) và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con (bao gồm Công ty TNHH một thành viên tôn Đại Thiên Lộc và Công ty TNHH một thành viên thép Đại Thiên Lộc) (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn

Công ty mẹ

Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc (được chuyển đổi từ Công ty TNHH thép Đại Thiên Lộc, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4602000250 ngày 11 tháng 7 năm 2001), hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000334 ngày 12 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 27 tháng 06 năm 2007 về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 18 tháng 01 năm 2008; thay đổi lần thứ năm ngày 16 tháng 01 năm 2009; thay đổi lần thứ sáu ngày 11 tháng 8 năm 2009 và thay đổi lần thứ bảy ngày 27 tháng 10 năm 2009 về việc tăng vốn điều lệ.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 06 tháng 03 năm 2008 về việc tăng vốn điều lệ và mở thêm chi nhánh hoạt động.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 01 tháng 12 năm 2008 về việc tăng vốn điều lệ, bổ sung ngành nghề kinh doanh và mở thêm chi nhánh hoạt động.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tám ngày 14 tháng 7 năm 2010 về việc tăng vốn điều lệ và bổ sung ngành nghề kinh doanh đồng thời thay đổi số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Thành viên	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Nguyễn Thanh Nghĩa	82.500.000.000	17,01
Nguyễn Thị Bích Liên	41.250.000.000	8,51
Các cổ đông khác	361.224.700.000	74,48
Cộng	484.974.700.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần 2, tỉnh Bình Dương
Điện thoại : (84 - 650) 3 732 981 – 3 732 982
Fax : (84 - 650) 3 732 980
E-mail : daithienloc@hcm.vnn.vn
Mã số thuế : 3 7 0 0 3 8 1 2 8 2

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất thép lá mạ kẽm (tôn kẽm), mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), thép lá mạ màu;
- Mua bán sắt thép các loại, vật tư, nhiên liệu, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất thép và xây dựng;
- Sản xuất tôn lợp, cán xà gồ;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Cho thuê kho bãi;
- Sản xuất, lắp dựng các cấu kiện sắt thép, nhà kho, dầm cầu trục, các sản phẩm cơ khí phục vụ xây dựng;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Thi công hệ thống điện nước công trình;
- Vận chuyển hàng hóa nội bộ;
- Sản xuất thép xây dựng, thép hình; Đúc sắt thép;
- Chế biến nông sản;
- Sản xuất, lắp đặt tấm cách nhiệt;
- Sản xuất đồ gỗ gia dụng;
- Dịch vụ giao nhận; Dịch vụ khai thuê hải quan, lập dự án đầu tư và tư vấn đầu tư;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống;
- Kinh doanh địa ốc, nhà xưởng; Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, dân cư đô thị; Cho thuê kho bãi.

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc tại Đà Nẵng	507 Tôn Đức Thắng, phường Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng
- Chi nhánh Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc tại Bà Rịa	19 Cách Mạng Tháng Tám, phường Long Hương, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Chi nhánh Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc – Xí nghiệp cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc	Ô 13A, lô CN8, đường N5, khu công nghiệp Sóng Thần 3, xã Tân Vĩnh Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc tại Long Mỹ	69 Trần Hưng Đạo, thị trấn Long Mỹ, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang
- Chi nhánh Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc tại Vị Thanh	295 Trần Hưng Đạo B, phường 5, thị xã Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

Các Công ty con:

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH một thành viên tôn Đại Thiên Lộc	Ô 2, lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương	Sản xuất tôn lợp, cán xà gỗ; Sản xuất thép cán nóng, thép cán nguội, thép ống, dập cán sóng tôn, cán xà gỗ thép; Sản xuất các sản phẩm cơ khí, lắp dựng các cấu kiện, nhà kho, dầm cầu trục, các sản phẩm cơ khí phục vụ xây dựng; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại (thùng phuy, bể chứa,...); Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn (vỏ bình gas, bếp gas,...); Sản phẩm khác bằng kim loại (lưới thép B40, đinh thép, kẽm gai,...); Xây dựng dân dụng, công nghiệp; Xây dựng nhà các loại; Thi công hệ thống điện nước công trình;	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH một thành viên cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc	Ô 13C, lô CN3, đường N5, khu công nghiệp Sóng Thần III, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	<p>Mua bán sắt thép các loại; Mua bán vật tư nhiên liệu, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất thép và xây dựng; Mua bán vỏ, ruột xe; nông sản; khung nhà tiền chế, vật liệu xây dựng, tấm cách nhiệt, tấm lợp các loại;</p> <p>Mua bán xe ô tô, xe tải, xe gắn máy; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ (trừ thiết kế phương tiện giao thông đường bộ); Đại lý xe ô tô và xe có động cơ; Vận chuyển hàng hóa đường bộ;</p> <p>Sản xuất thép xây dựng, thép hình; Đúc sắt thép;</p> <p>Chế biến nông sản;</p> <p>Sản xuất, lắp đặt tấm cách nhiệt;</p> <p>Sản xuất đồ gỗ gia dụng;</p> <p>Dịch vụ giao nhận; Dịch vụ khai thuê hải quan, lập dự án đầu tư và tư vấn đầu tư;</p> <p>Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống.</p>	100,00%
Công ty TNHH một thành viên thép Đại Thiên Lộc	Ô 13D, lô CN8, đường N5, khu công nghiệp Sóng Thần III, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	<p>Mua bán sắt thép các loại; Mua bán vật tư nhiên liệu, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất thép và xây dựng; Mua bán vỏ, ruột xe; nông sản; khung nhà tiền chế, vật liệu xây dựng, tấm cách nhiệt, tấm lợp các loại.</p> <p>Sản xuất tôn lợp, cán xà gỗ; Sản xuất thép cán nóng, thép cán nguội, thép ống, dập cán sóng tôn, cán xà gỗ thép; Sản xuất các sản phẩm cơ khí, lắp dựng các cấu kiện, nhà kho, dầm cầu trục, các sản phẩm cơ khí phục vụ xây dựng; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại (thùng phuy, bể chứa,...); Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn (vỏ bình gas, bếp gas,...); Sản phẩm khác bằng kim loại (lưới thép B40, đinh thép, kẽm gai,...);</p>	100,00%

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần sở hữu
		dụng; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại (thùng phuy, bể chứa,...); Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn (vò bình gas, bếp gas,...); Sản phẩm khác bằng kim loại (lưới thép B40, đinh thép, kềm gai,...); Xây dựng dân dụng, công nghiệp; Xây dựng nhà các loại; Thi công hệ thống điện nước công trình; Mua bán sắt thép các loại; Mua bán vật tư nhiên liệu, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất thép và xây dựng; Mua bán vỏ, ruột xe; nông sản; khung nhà tiền chế, vật liệu xây dựng, tấm cách nhiệt, tấm lợp các loại; Mua bán xe ô tô, xe tải, xe gắn máy; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ (trừ thiết kế phương tiện giao thông đường bộ); Đại lý xe ô tô và xe có động cơ; Vận chuyển hàng hóa đường bộ; Sản xuất thép xây dựng, thép hình; Đúc sắt thép; Chế biến nông sản; Sản xuất, lắp đặt tấm cách nhiệt; Sản xuất đồ gỗ gia dụng; Dịch vụ giao nhận; Dịch vụ khai thuê hải quan, lập dự án đầu tư và tư vấn đầu tư; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống.	

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 09 đến trang 33).

Trong kỳ, Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc đã phân phối lợi nhuận năm 2009 như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.253.715.124
- Trích quỹ đầu tư phát triển	5.000.000.000
- Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.903.869.837
- Chia cổ tức	114.432.700.000
Cộng	<u>122.590.284.961</u>

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch	01 tháng 06 năm 2007	-
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Thành viên	01 tháng 06 năm 2007	-
Ông Lê Anh Thi	Thành viên	25 tháng 04 năm 2008	-
Ông Lê Bá Phương	Thành viên	25 tháng 04 năm 2008	-
Bà Đoàn Thị Mỹ Hồng	Thành viên	25 tháng 04 năm 2008	-

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Tài Tuệ	Trưởng ban	13 tháng 06 năm 2009	29 tháng 04 năm 2010
Bà Lê Hồng Nhung	Thành viên	25 tháng 04 năm 2008	29 tháng 04 năm 2010
	Trưởng ban	29 tháng 04 năm 2010	
Bà Võ Thị Mỹ Dung	Thành viên	13 tháng 06 năm 2009	-
Ông Phan Minh Hiền	Thành viên	29 tháng 04 năm 2010	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Tổng Giám đốc	15 tháng 04 năm 2004	-
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Phó Tổng Giám đốc	15 tháng 04 năm 2004	-
Bà Đoàn Thị Mỹ Hồng	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 06 năm 2007	-
Bà Lâm Thị Kim Phượng	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 10 năm 2009	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố Các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc xác nhận rằng, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Tập đoàn, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghĩa
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 8 năm 2010





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0871/2010/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

**Kính gửi: CÁC CÔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc (Công ty mẹ) và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con (bao gồm Công ty TNHH một thành viên tôn Đại Thiên Lộc và Công ty TNHH một thành viên thép Đại Thiên Lộc) (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, được lập ngày 23 tháng 8 năm 2010, từ trang 09 đến trang 33 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của các Công ty trong Tập đoàn và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Các vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến của Kiểm toán viên

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 chưa được thực hiện công tác soát xét.

Chúng tôi không có đủ thông tin để xem xét mức độ giảm giá (nếu có) của hàng tồn kho tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2010 của Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: D.0099/KTV

Mai Thị Kim Dung - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1163/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần 2, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.529.145.106.884	1.340.776.135.240
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	12.948.002.370	16.935.620.813
1. Tiền	111		12.948.002.370	16.935.620.813
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.000.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	2.000.000.000	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		125.996.447.046	82.294.681.186
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	90.889.927.295	63.571.787.739
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	29.390.105.931	17.704.331.433
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	8.988.233.681	4.704.501.939
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(3.271.819.861)	(3.685.939.925)
IV. Hàng tồn kho	140		1.347.583.960.725	1.189.361.155.123
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1.347.583.960.725	1.189.361.155.123
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		40.616.696.743	52.184.678.118
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	144.506.028	850.514.493
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		25.591.622.166	6.130.052.101
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		426.233	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	14.880.142.316	45.204.111.524

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần 2, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		164.886.361.945	132.969.805.418
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		162.455.181.945	130.520.443.609
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	67.194.872.215	65.396.353.878
<i>Nguyên giá</i>	222		89.150.203.267	83.049.914.573
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(21.955.331.052)	(17.653.560.695)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	4.602.899.010	4.943.854.488
<i>Nguyên giá</i>	225		5.455.287.708	5.455.287.708
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(852.388.698)	(511.433.220)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	61.833.226.609	59.491.779.649
<i>Nguyên giá</i>	228		62.961.546.808	60.471.546.808
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.128.320.199)	(979.767.159)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	28.824.184.111	688.455.594
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.866.680.000	1.866.680.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	1.866.680.000	1.866.680.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Lợi thế thương mại	260		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	270		564.500.000	582.681.809
1. Chi phí trả trước dài hạn	271		-	18.181.809
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	278	V.15	564.500.000	564.500.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		<u>1.694.031.468.829</u>	<u>1.473.745.940.658</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần 2, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		920.452.443.366	800.844.356.292
I. Nợ ngắn hạn	310		906.206.881.167	786.839.994.093
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	774.167.859.462	555.229.955.055
2. Phải trả người bán	312	V.17	81.783.652.519	180.513.236.514
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18	5.953.024.750	4.638.195.635
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	37.843.783.265	41.008.675.053
5. Phải trả người lao động	315	V.20	341.459.642	629.783.695
6. Chi phí phải trả	316	V.21	2.892.107.144	1.754.954.560
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	3.035.448.432	2.896.202.051
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.23	189.545.953	168.991.530
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		14.245.562.199	14.004.362.199
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.24	13.913.689.099	13.672.489.099
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	IV.13	331.873.100	331.873.100
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		773.579.025.463	672.901.584.366
I. Vốn chủ sở hữu	410		773.579.025.463	672.901.584.366
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.25	484.974.700.000	388.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.25	151.238.500.000	151.238.500.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.25	(130.000.000)	(130.000.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.25	7.858.510.594	2.858.510.594
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.25	1.651.869.837	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.25	127.985.445.032	130.934.573.772
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CÔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.694.031.468.829	1.473.745.940.658

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần 2, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	minh		
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.812.487.702	1.812.487.702
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		455.097,97	750.659,38
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Bình Dương, ngày 23 tháng 8 năm 2010

Vũ Thị Vui
Người lập biểu

Vũ Thành Nam
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Nghĩa
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần 2, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	957.046.157.313	781.894.085.826
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	1.476.489.759	1.607.483.832
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	955.569.667.554	780.286.601.994
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	747.961.293.392	717.170.738.575
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		207.608.374.162	63.115.863.419
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8.568.094.003	734.554.724
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	60.293.233.185	23.244.466.429
Trong đó: chi phí lãi vay	23		31.497.660.685	19.931.638.339
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	9.764.721.268	3.198.345.344
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	12.121.703.645	9.833.453.015
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		133.996.810.067	27.574.153.355
11. Thu nhập khác	31	VI.7	252.961.800	58.404.042
12. Chi phí khác	32	VI.8	9.725.452	503.303.236
13. Lợi nhuận khác	40		243.236.348	(444.899.194)
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		134.240.046.415	27.129.254.161

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần 2, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.19	14.633.488.359	1.869.379.974
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>119.606.558.056</u>	<u>25.259.874.187</u>
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		119.606.558.056	25.259.874.187
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V1.9	<u>2.467</u>	<u>719</u>

Bình Dương, ngày 23 tháng 8 năm 2010

Vũ Thị Vui
Người lập biểu

Vũ Thành Nam
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Nghĩa
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần 2, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		134.240.046.415	27.129.254.161
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10; V.11; V.12	4.791.278.875	2.738.823.916
- Các khoản dự phòng	03	V.6	(414.120.064)	(14.955.039.794)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	(6.673.377.638)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(57.963.213)	(14.209.802)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	31.497.660.685	19.931.638.339
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		163.383.525.060	34.830.466.820
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(42.947.109.585)	(70.698.017.680)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(158.222.805.602)	(253.527.466.730)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(101.617.244.487)	94.807.732.035
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		724.190.274	13.428.810.566
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.21; VI.4	(29.721.236.101)	(19.931.638.339)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.19	(15.382.996.142)	(5.252.584.975)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		763.359.396.038	804.337.127.951
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(734.981.409.949)	(831.550.664.176)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(155.405.690.494)	(233.556.234.528)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10; V.12; V.13; VII	(56.282.912.836)	(3.530.887.842)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2	(2.000.000.000)	(1.866.680.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	57.963.213	14.209.802
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(58.224.949.623)	(5.383.358.040)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần 2, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	100.249.500.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.16	957.525.648.914	144.537.821.331
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.16	(729.257.009.240)	-
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	V.16	(938.400.000)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.25	(17.458.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		209.872.239.674	244.787.321.331
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(3.758.400.443)	5.847.728.763
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	16.935.620.813	23.432.134.934
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(229.218.000)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	12.948.002.370	29.279.863.697

Bình Dương, ngày 23 tháng 8 năm 2010

Vũ Thị Vui
Người lập biểuVũ Thành Nam
Kế toán trưởngNguyễn Thanh Nghĩa
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần 2, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc (Công ty mẹ) và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con (bao gồm Công ty TNHH một thành viên tôn Đại Thiên Lộc và Công ty TNHH một thành viên thép Đại Thiên Lộc) (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. Công ty mẹ

- a. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- b. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại.
- c. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất thép lá mạ kẽm (tôn kẽm), mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), thép lá mạ màu; Mua bán sắt thép các loại; Sản xuất tôn lợp, cán xà gỗ; Sản xuất thép cán nóng, thép cán nguội, thép ống, dập cán sóng tôn, cán xà gỗ thép; Xây dựng dân dụng, công nghiệp; Sản xuất thép xây dựng, thép hình.

2. Tổng số các công ty con : 3

Trong đó:

Số lượng các Công ty con được hợp nhất : 2

Số lượng các Công ty con không được hợp nhất : 1

3. Danh sách Công ty con được hợp nhất

<u>Tên Công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Quyền biểu quyết</u>
Công ty TNHH một thành viên tôn Đại Thiên Lộc	Ô 2, lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương	100%	100%
Công ty TNHH một thành viên thép Đại Thiên Lộc	Ô 13D, lô CN8, đường N5, khu công nghiệp Sóng Thần III, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	100%	100%

4. Công ty con chưa hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

<u>Tên Công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Lý do</u>
Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí và Xây dựng Đại Thiên Lộc	Ô 13C, lô CN3, đường N5, khu công nghiệp Sóng Thần III, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Chưa hoạt động

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần 2, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của các Công ty trong Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập và trình bày theo các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Cơ sở hợp nhất

Các Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần 2, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	14-20
Máy móc và thiết bị	05-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05
Tài sản cố định khác	14-20

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần 2, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính được công bố tại thuyết minh số IV.6.

8. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 8 năm.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần 2, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

11. Chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê mặt bằng trả trước thể hiện khoản tiền thuê đã trả cho phần mặt bằng Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc đang sử dụng. Tiền thuê mặt bằng được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

13. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động đối với thời gian đã làm việc tại Công ty trước ngày 01 tháng 01 năm 2009. Mức trích dự phòng trợ mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

14. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của từng Công ty trong Tập đoàn.

15. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

16. Cổ tức

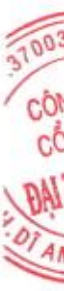
Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần 2, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

18. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2009 : 17.941 VND/USD
30/6/2010 : 18.544 VND/USD

19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi các Công ty trong Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	635.143.427	1.391.218.350
Tiền gửi ngân hàng	3.912.426.943	15.544.402.463
Tiền đang chuyển	8.400.432.000	-
Cộng	12.948.002.370	16.935.620.813

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần 2, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Đầu tư ngắn hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng.

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc	28.333.317.129	13.745.632.032
Tại Công ty TNHH một thành viên tôn Đại Thiên Lộc	62.556.610.166	49.826.155.707
Cộng	<u>90.889.927.295</u>	<u>63.571.787.739</u>

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước nguyên vật liệu	-	14.251.204.746
Trả trước các dịch vụ khác	8.546.450.306	3.453.126.687
Trả trước mua sắm tài sản cố định	20.843.655.625	-
Cộng	<u>29.390.105.931</u>	<u>17.704.331.433</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế giá trị gia tăng được hoàn	6.023.183.576	-
Thuế giá trị gia tăng nhập khẩu được hoàn	115.136.129	1.252.517.882
Thuế giá trị gia tăng đầu vào của tài sản cố định thuê tài chính chờ khấu trừ	116.490.058	162.905.638
Tiền cho công nhân viên vay	1.022.039.750	1.524.750.000
Thuế nhập khẩu được hoàn	473.100.985	473.100.985
Phải thu khác	1.238.283.183	1.291.227.434
Cộng	<u>8.988.233.681</u>	<u>4.704.501.939</u>

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	1.039.858.336	1.453.978.400
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	1.100.452.352	1.100.452.352
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm	1.131.509.173	1.131.509.173
Cộng	<u>3.271.819.861</u>	<u>3.685.939.925</u>

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	3.685.939.925
Hoàn nhập dự phòng	(414.120.064)
Số cuối kỳ	<u>3.271.819.861</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần 2, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng đang đi đường	9.159.421.901	-
Nguyên liệu, vật liệu	594.426.785.868	505.370.606.514
Công cụ, dụng cụ	3.846.254.773	2.771.621.289
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	90.639.652.736	54.027.247.937
Thành phẩm	141.792.788.765	117.202.799.631
Hàng hóa	507.719.056.682	509.988.879.752
Cộng	<u>1.347.583.960.725</u>	<u>1.189.361.155.123</u>

Một số nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa có giá trị ghi sổ là 852.494.089.573 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	144.506.028	217.076.350
Chi phí sửa chữa dàn mạ kẽm	-	633.438.143
Cộng	<u>144.506.028</u>	<u>850.514.493</u>

9. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	1.015.268.428	1.013.829.579
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	13.864.873.888	44.190.281.945
Cộng	<u>14.880.142.316</u>	<u>45.204.111.524</u>

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	16.931.484.163	45.094.450.945	20.169.547.417	854.432.048	83.049.914.573
Mua sắm mới	-	4.493.561.421	1.520.000.000	86.727.273	6.100.288.694
Số cuối kỳ	<u>16.931.484.163</u>	<u>49.588.012.366</u>	<u>21.689.547.417</u>	<u>941.159.321</u>	<u>89.150.203.267</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	134.537.414	-	287.892.059	422.429.473
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	3.824.216.056	11.222.500.881	2.123.078.834	483.764.924	17.653.560.695
Khấu hao trong kỳ	601.829.402	2.435.496.228	1.202.950.775	61.493.952	4.301.770.357
Số cuối kỳ	<u>4.426.045.458</u>	<u>13.657.997.109</u>	<u>3.326.029.609</u>	<u>545.258.876</u>	<u>21.955.331.052</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	13.107.268.107	33.871.950.064	18.046.468.583	370.667.124	65.396.353.878
Số cuối kỳ	<u>12.505.438.705</u>	<u>35.930.015.257</u>	<u>18.363.517.808</u>	<u>395.900.445</u>	<u>67.194.872.215</u>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần 2, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 11.240.727.730 VND và 10.343.796.372 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

11. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	5.455.287.708	511.433.220	4.943.854.488
Tăng trong năm	-	340.955.478	
Số cuối năm	5.455.287.708	852.388.698	4.602.899.010

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	60.380.247.808	91.299.000	60.471.546.808
Tăng trong kỳ	2.490.000.000	-	2.490.000.000
Số cuối kỳ	62.870.247.808	91.299.000	62.961.546.808
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	968.354.785	11.412.374	979.767.159
Khấu hao trong kỳ	142.846.854	5.706.186	148.553.040
Số cuối kỳ	1.111.201.639	17.118.560	1.128.320.199
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	59.411.893.023	79.886.626	59.491.779.649
Số cuối kỳ	61.759.046.169	74.180.440	61.833.226.609

Chi tiết các quyền sử dụng đất:

- Quyền sử dụng 6.327 m² đất tọa lạc tại lô A, đường số 22, khu công nghiệp Sóng Thần 2, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo hợp đồng thuê đất số 098/HĐTLĐ/ST2, ngày 10 tháng 8 năm 2001.
 - Bên cho thuê : Công ty Cổ phần Đại Nam.
 - Thời hạn thuê : 41 năm 6 tháng, bắt đầu từ ngày 11 tháng 7 năm 2004 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2045.
- Quyền sử dụng đất này đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng Công Thương Việt Nam – chi nhánh khu công nghiệp Bình Dương.
 - Nguyên giá theo sổ sách 2.840.127.030 VND
 - Giá trị còn lại theo sổ sách 2.414.644.334 VND
- Quyền sử dụng 105.285 m² đất tọa lạc tại lô CN8, khu công nghiệp Sóng Thần 3, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo hợp đồng thuê đất số 34/HĐTD/ST3, ngày 07 tháng 02 năm 2007. Quyền sử dụng đất này tạm thời chưa đưa vào sử dụng.
 - Bên cho thuê : Công ty Cổ phần Đại Nam.
 - Thời hạn thuê : 40 năm 6,5 tháng, bắt đầu từ ngày 07 tháng 02 năm 2007 đến ngày 21 tháng 12 năm 2055.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần 2, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất này đã được thế chấp để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam - chi nhánh khu công nghiệp Bình Dương.

- Lô đất 5.000 m² tọa lạc tại ấp Chiêu Liêu, xã Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần nhà Hà Nội.
- Lô đất 830 m² tọa lạc tại khu vực 4, phường 5, thị xã Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được công chứng ngày 21 tháng 5 năm 2010. Quyền sử dụng đất này tạm thời chưa đưa vào sử dụng. Nguyên giá theo sổ sách là 2.490.000.000 VND.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Số cuối kỳ
Máy xén biên	682.555.594	-	682.555.594
Dàn mạ kẽm	5.900.000	-	5.900.000
Hệ thống cầu	-	1.090.956.240	1.090.956.240
Hệ thống dây chuyền mạ hợp kim nhôm kẽm	-	23.987.550.000	23.987.550.000
Hệ thống dây chuyền phủ sơn thép lá	-	3.057.222.277	3.057.222.277
Cộng	688.455.594	28.135.728.517	28.824.184.111

14. Đầu tư dài hạn khác

Khoản đầu tư cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam.

15. Tài sản dài hạn khác

Khoản kỹ quỹ thuê tài sản cho Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Chailease.

16. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng ^(a)	747.379.326.562	540.907.545.358
- Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu công nghiệp Bình Dương	88.471.888.117	70.665.349.400
- Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế - Chi nhánh Sài Gòn	119.719.310.879	36.124.145.012
- Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gò Vấp	263.733.779.107	307.899.245.085
- Ngân hàng thương mại cổ phần nhà Hà Nội	51.920.466.429	44.302.644.023
- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	200.483.583.059	81.916.161.838
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	23.050.298.971	-
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác ^(b)	24.218.001.000	9.602.976.197
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.24)	1.632.131.900	2.842.633.500
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh V.24)	938.400.000	1.876.800.000
Cộng	774.167.859.462	555.229.955.055

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần 2, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (a) Khoản vay các Ngân hàng để bổ sung vốn lưu động và mua nguyên liệu. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định, nguyên vật liệu và hàng hoá.
- (b) Khoản vay Bà Nguyễn Thanh Dung để bổ sung vốn lưu động.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Đánh giá chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	540.907.545.358	927.606.648.914	(8.392.335.267)	(712.742.532.443)	747.379.326.562
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	9.602.976.197	29.919.000.000	-	(15.303.975.197)	24.218.001.000
Vay dài hạn đến hạn trả	2.842.633.500	-	-	(1.210.501.600)	1.632.131.900
Nợ thuế tài chính đến hạn trả	1.876.800.000	-	-	(938.400.000)	938.400.000
Cộng	555.229.955.055	957.525.648.914	(8.392.335.267)	(730.195.409.240)	774.167.859.462

17. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc	79.988.252.487	180.506.494.014
Tại Công ty TNHH một thành viên tôn Đại Thiên Lộc	2.895.032	6.742.500
Tại Công ty TNHH một thành viên thép Đại Thiên Lộc	1.792.505.000	-
Cộng	81.783.652.519	180.513.236.514

18. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc	3.543.233.546	4.217.057.121
Tại Công ty TNHH một thành viên tôn Đại Thiên Lộc	2.409.791.204	421.138.514
Cộng	5.953.024.750	4.638.195.635

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	1.328.666.094	4.851.317.277	(6.175.200.099)	4.783.272
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	55.473.679.896	(52.769.871.976)	2.703.807.920
Thuế xuất, nhập khẩu	22.268.116.375	32.495.991.631	(36.417.480.764)	18.346.627.242
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.384.688.041	14.633.914.592	(15.382.996.142)	16.635.606.491
Thuế thu nhập cá nhân	27.204.543	156.719.967	(33.966.170)	149.958.340
Các loại thuế khác	-	15.000.000	(12.000.000)	3.000.000
Cộng	41.008.675.053	107.626.623.363	(110.791.515.151)	37.843.783.265

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần 2, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.17.

Các loại thuế khác

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

20. Phải trả người lao động

Lương tháng 6 còn phải trả người lao động.

21. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm nhập hàng hoá	103.730.045	779.365.681
Chi phí lãi vay	2.588.377.099	811.952.515
Chi phí khác	200.000.000	163.636.364
Cộng	<u>2.892.107.144</u>	<u>1.754.954.560</u>

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	605.286.243	97.217.537
Thu hộ tiền cho Công ty TNHH thương mại Thiên Lộc	732.102.644	732.102.644
Thu hộ tiền cho Công ty TNHH thương mại Thiên Lộc Phát	515.807.775	515.807.775
Mượn tiền Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	10.000.000	399.937.120
Mượn tiền Doanh nghiệp tư nhân Tân Mỹ Hạnh	325.517.000	325.517.000
Mượn tiền Ông Hoàng Bách Thảo	110.580.000	110.580.000
Các khoản phải trả khác	736.154.770	715.039.975
Cộng	<u>3.035.448.432</u>	<u>2.896.202.051</u>

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	168.991.530
Tăng do trích lập từ lợi nhuận trong kỳ	1.253.715.124
Tăng khác	32.009.300
Chi quỹ trong kỳ	<u>(1.265.170.001)</u>
Số cuối kỳ	<u>189.545.953</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần 2, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

24. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	13.063.289.100	12.822.089.100
– Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gò Vấp ^(a)	2.133.323.400	2.133.323.400
– Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Khu công nghiệp Sóng Thần ^(b)	10.929.965.700	10.688.765.700
Nợ dài hạn	850.399.999	850.399.999
Cộng	<u>13.913.689.099</u>	<u>13.672.489.099</u>

- (a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Gò Vấp để thanh toán tiền đầu tư phương tiện vận tải. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.
- (b) Khoản vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Khu công nghiệp Sóng Thần để đầu tư phương tiện vận tải, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình của Công ty.
- (c) Thuê tài chính Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Chailease để thuê máy móc thiết bị và phương tiện vận tải.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	14.695.421.000	1.632.131.900	13.063.289.100
Nợ dài hạn	1.788.799.999	938.400.000	850.399.999
Cộng	<u>16.484.220.999</u>	<u>2.570.531.900</u>	<u>13.913.689.099</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Đánh giá chênh lệch tỷ giá</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay dài hạn ngân hàng	12.822.089.100	241.200.000	13.063.289.100
Nợ dài hạn	850.399.999	-	850.399.999
Cộng	<u>13.672.489.099</u>	<u>241.200.000</u>	<u>13.913.689.099</u>

25. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 36.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

Trả cổ tức năm trước	114.432.700.000
Tạm ứng cổ tức	-
Cộng	<u>114.432.700.000</u>
Trong đó: Thực chi bằng tiền	17.458.000.000
Chi cổ tức bằng cổ phiếu	96.974.700.000

Cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần 2, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	48.497.470	38.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	48.497.470	38.800.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	48.497.470	38.800.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	10.000	10.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.000	10.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	48.487.470	38.790.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	48.487.470	38.790.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Tập đoàn.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	957.046.157.313	781.894.085.826
- <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	595.108.745.267	506.633.516.373
- <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	359.084.747.440	274.240.717.940
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	-	37.482.443
- <i>Doanh thu bán nguyên vật liệu</i>	2.852.664.606	982.369.070
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(1.476.489.759)	(1.607.483.832)
- <i>Hàng bán bị trả lại</i>	(1.461.238.849)	(651.139.028)
- <i>Giảm giá hàng bán</i>	(15.250.910)	(956.344.804)
Doanh thu thuần	955.569.667.554	780.286.601.994
<i>Trong đó:</i>		
- <i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	595.108.745.267	506.633.516.373
- <i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i>	357.608.257.681	272.633.234.108
- <i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	-	37.482.443
- <i>Doanh thu bán nguyên vật liệu</i>	2.852.664.606	982.369.070

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hàng hoá	355.952.491.453	459.209.370.270
Giá vốn thành phẩm	278.684.507.038	271.960.655.749
Giá vốn nguyên vật liệu	113.324.294.901	955.752.350
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(14.955.039.794)
Cộng	747.961.293.392	717.170.738.575

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần 2, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	81.749.099	183.440.077
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	14.209.802
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.755.004.053	536.904.845
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.673.377.638	-
Lãi tiền cho vay	57.963.213	-
Cộng	8.568.094.003	734.554.724

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	31.497.660.685	19.931.638.339
Lãi mua hàng trả chậm	231.902.031	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	28.563.670.469	3.312.828.090
Cộng	60.293.233.185	23.244.466.429

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.655.571.947	983.531.540
Chi phí công cụ, dụng cụ	146.986.057	382.686.220
Chi phí dịch vụ mua ngoài	356.921.113	655.402.010
Chi phí khác	7.605.242.151	1.176.725.574
Cộng	9.764.721.268	3.198.345.344

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4.971.835.790	3.202.284.009
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	252.262.117	92.504.642
Chi phí khấu hao tài sản cố định	312.178.641	550.729.856
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.197.739.331	1.676.623.727
Chi phí khác	3.387.687.766	4.311.310.781
Cộng	12.121.703.645	9.833.453.015

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Xử lý công nợ phải trả của các năm trước	25.301.203	6.209.811
Thu do khách hàng vi phạm hợp đồng	3.000.000	10.000.000
Hàng khuyến mãi dùng thử	219.127.297	-
Thu nhập khác	5.533.300	42.194.231
Cộng	252.961.800	58.404.042

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần 2, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Nộp truy thu thuế	-	500.000.000
Xử lý công nợ	7.573.378	3.261.227
Chi phí khác	2.152.074	42.009
Cộng	9.725.452	503.303.236

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	119.606.558.056	25.259.874.187
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	119.606.558.056	25.259.874.187
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm ^(*)	48.487.470	35.145.256
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.467	719

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	38.790.000	25.298.500
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	(6.783)
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm trước	-	156.069
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ lợi nhuận sau thuế	9.697.470	9.697.470
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	48.487.470	35.145.256

Năm 2010 Công ty đã tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Vì vậy lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ trước đã được điều chỉnh lại theo số cổ phiếu phát hành thêm này. Việc điều chỉnh hồi tố này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ trước giảm từ 993 VND xuống còn 719 VND.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	302.603.566.762	257.699.132.425
Chi phí nhân công	8.868.402.150	5.321.226.534
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.642.725.835	2.743.164.030
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.512.059.559	285.418.029
Chi phí khác	12.816.527.245	632.372.264
Cộng	334.443.281.551	266.681.313.282

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần 2, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ, Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc đã tăng vốn điều lệ từ việc chia cổ tức 96.974.700.000 VND bằng cổ phiếu.

Ngoài ra, các Công ty trong Tập đoàn cũng đã mua tài sản cố định bằng cách nhận nợ 1.286.760.000 VND.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	558.485.500	368.439.100
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	6.363.600	4.281.600
Bảo hiểm thất nghiệp	848.400	714.000
Cộng	565.697.500	373.434.700

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Tập đoàn chỉ có Công ty TNHH sản xuất thương mại thép Thiên Lộc – Công ty có đồng chủ sở hữu với Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với bên liên quan khác là khoản phải trả tiền thu hộ 732.102.644 (thuyết minh V.22)

2. Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, các Công ty trong Tập đoàn áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

3. Thông tin khác

Trong kỳ, Cục thuế Bình Dương đã tiến hành thanh tra thuế tại Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc từ năm 2007 đến năm 2009. Tuy nhiên, đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc vẫn chưa nhận được Biên bản thanh tra chính thức.

Bình Dương, ngày 23 tháng 8 năm 2010



Vũ Thị Vui
Người lập biểu



Vũ Thành Nam
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Nghĩa
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: lô A, đường 22, khu công nghiệp Sông Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	253.000.000.000	80.134.000.000	(15.000.000)	2.858.510.594	1.903.869.837	(673.242.467)	337.208.137.964
Phát hành cổ phiếu trong năm	135.000.000.000	71.104.500.000	-	-	-	-	206.104.500.000
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	-	(274.300.000)	-	-	-	(274.300.000)
Tái phát hành cổ phiếu đã mua	-	-	159.300.000	-	-	-	159.300.000
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	133.792.146.685	133.792.146.685
Phân phối các quỹ trong năm	-	-	-	-	249.000.000	(2.184.330.446)	(1.935.330.446)
Nộp truy thu thuế TNDN	-	-	-	-	(1.903.869.837)	-	(1.903.869.837)
Thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	-	(249.000.000)	-	(249.000.000)
Số dư cuối năm trước	388.000.000.000	151.238.500.000	(130.000.000)	2.858.510.594	-	130.934.573.772	672.901.584.366
Số dư đầu năm nay	388.000.000.000	151.238.500.000	(130.000.000)	2.858.510.594	-	130.934.573.772	672.901.584.366
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	96.974.700.000	-	-	-	-	(96.974.700.000)	-
Chia cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	-	-	(17.458.000.000)	(17.458.000.000)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	119.606.558.056	119.606.558.056
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	-	5.000.000.000	1.903.869.837	(8.157.584.961)	(1.253.715.124)
Tặng khác	-	-	-	-	(252.000.000)	34.598.165	(217.401.835)
Số dư cuối kỳ	484.974.700.000	151.238.500.000	(130.000.000)	7.858.510.594	1.651.869.837	127.985.445.032	773.579.025.463

Bình Dương, ngày 23 tháng 8 năm 2010



Nguyễn Thanh Nghĩa
Tổng Giám đốc

Vũ Thành Nam
Kế toán trưởng

Vũ Thị Vui
Người lập biểu